

CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 2

Sa-môn Đạo Nguyên đời Tống soạn

BA MƯƠI LĂM TỔ Ở TÂY TRÚC: Trong đó 13 Tổ được ghi chép

1. Tổ thứ mười lăm Ca Na Đề Bà
2. Tổ thứ mười sáu La Hầu La Đa
3. Tổ thứ mười bảy Tăng Già Nan Đề
4. Tổ thứ mười tám Già Na Xá Đa
5. Tổ thứ mười chín Cưu Ma La Đa
6. Tổ thứ hai mươi Xà Dạ Đa
7. Tổ thứ hai mươi một Bà Tu Bàn Đầu
8. Tổ thứ hai mươi hai Ma Noa La
9. Tổ thứ hai mươi ba Hạc Lặc Na
10. Tổ thứ hai mươi bốn Tôn giả Sư Tử
11. Tổ thứ hai mươi lăm Bà Xá Tư Đa
12. Tổ thứ hai mươi sáu Bất Như Mật Đa
13. Tổ thứ hai mươi bảy Bát Nhã Đa La

Tôn giả Sư Tử bồng xuất: Đạt Ma Đạt

Đạt Ma Đạt xuất hai Tổ :

1. Nhân Đà La
2. Cù La Kỵ Lợi Bà

Nhân Đà La xuất bốn Tổ:

1. Đạt Ma Thi Lợi Đế
2. Na Già Nan Đề
3. Phá Lô Cầu Đa La
4. Ba La Bà Đề

Cù La Kỵ Lợi Bà xuất hai Tổ:

1. Ba La Bạt Ma

2. Tăng Già La Xoa

Đạt Ma Thi Lợi Đế xuất hai Tổ:

1. Ma Đế Lệ Bạt La

2. A Lợi Bạt Mâu

Phá Lô Cầu Đa La xuất ba Tổ:

1. Hòa Tu Bàn Đầu

2. Đạt Ma Kha Đế

3. Chiên Đà La Đa Ba

La Bạt Ma xuất ba Tổ:

1. Nặc La Đa La

2. Bàn Đầu Đa La

3. Bà Ba Bà La

Tăng Già La Xoa xuất năm Tổ:

1. Tì Xá Dã Đa La

2. Tì Lô La Đa Ma

3. Tì Túc Xô Đa La

4. Ưu Bà Chiên Đà

5. Bà Nan Đề Đa

(Cộng chung 22 người không ghi chép).

Tổ thứ 15: TÔN GIẢ CA NA ĐỀ BÀ

Tổ thứ mười lăm, Tôn giả Ca Na Đề Bà, người Nam Thiên Trúc, họ Tì-xá-la. Lúc đầu, ngài theo phúc nghiệp, cả thích biện luận.

Sau đó, ngài đến ra mắt Đại sĩ Long Thọ. Vừa mới đến cổng, Long Thọ đã biết đây là bậc trí giả, sai thị giả đặt bình bát nước đầy ngoài cửa. Tôn giả nhìn thấy, ngài bỏ vào một cây kim và đi thẳng vào, vui vẻ khế hội.

Long Thọ bèn thuyết pháp cho, không đứng trên tòa giảng mà ngài thị hiện vàng trắng tròn, chỉ nghe tiếng mà không thấy hình dạng. Đề Bà nói cùng đồ chúng:

- Nay hiện điềm này là sư thị hiện Phật tánh, biểu thị diễn thuyết không thanh sắc.

Và ngài được Tổ ấn ký đặc pháp.

Sau đó, Tổ Đề Bà đến nước Ca-tì-la, ở đây có ông trưởng giả là Phạm Ma Tịnh Đức. Ngày nọ, trong vườn có cây mọc lên loại nấm mèo, vị rất ngon, nhưng duy chỉ có ông trưởng giả và người con thứ hai là La Hầu La Đa là hái được nấm ấy. Hái xong, nấm lại lớn, rụi rồi mọc lên nữa. Kỳ dư các quyến thuộc không ai thấy được loại nấm ấy. Tổ biết được nguyên nhân đời trước nên tìm tới nhà.

Trưởng giả đem việc nấm lạ ấy ra hỏi. Tổ nói:

- Nhà ông xưa kia có cúng dường một Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo ấy chưa sáng đạo pháp lại nhận luống của cúng dường, vậy nên sinh thân làm nấm báo đáp. Duy có ông với đứa con thứ hai thành tâm cúng dường nên hưởng được thức ăn ấy, những người khác thì không được.

Ngài lại hỏi trưởng giả:

- Ông bao nhiêu tuổi ?

Đáp:

- Tôi 79 tuổi.

Tổ bèn nói kệ:

Phiên âm:

Nhập đạo bất thông lý
Phục thân hoàn tín thí
Nhĩ niên bát thập nhất
Thử thọ bất sinh nhĩ.

Tạm dịch:

*Vào đạo chẳng thông lý
Hồi thân báo cúng dường
Đến năm tám một tuổi
Cây ấy nắm mới ngừng.*

Ông lão nghe kệ xong rất đỗi thán phục rồi lại hỏi:

Đệ tử già cả suy yếu, khó bề theo hầu thầy. Xin cho đưa con thứ xuất gia theo thầy.

Tổ bảo:

- Xưa kia Như Lai đã ấn ký cho người này non 1.000 năm sau sẽ làm Đại giáo chủ. Nay đã gặp nhau thật đúng với cơ duyên đời trước.

Bèn cho làm lễ cạo tóc theo hầu.

Lần nọ, Tôn giả đến thành Ba-liên-phất, nghe các ngoại đạo muốn ngăn trở Phật pháp, kể tính đã lâu. Tổ cầm cây cờ đi vào giữa hội chúng nơi ấy, bọn họ hỏi:

- Sao ông chẳng tới trước ?

Tổ hỏi lại:

- Sao ông chẳng lùi sau ?

Họ bảo:

- Ông chẳng khác người hạ tiện.

Tổ nói:

- Các ông giống kẻ hiền lương.

Họ hỏi:

- Ông rành pháp nào ?

Tổ nói:

- Thứ nào cũng không rành.

Người đó nói:

- Tôi muốn được pháp Phật.

Tổ nói:

- Ta rõ ràng đã được Phật.

- Ông không thể đắc đạo.

Tổ:

- Môi đạo, ta đã chứng, còn ông mới thực là chẳng được gì.

- Ông vốn chưa được, sao lại nói được ?

Tổ:

- Ông vì cái ngã nên không được. Ta không có cái ngã nên ta mới chứng được đạo.

Lời lẽ họ đã thua bèn hỏi Tổ:

- Thầy tên gì ?

- Ta tên Ca Na Đề Bà.

Người đó vốn đã nghe danh Tổ, liền sám hối tạ lỗi. Các người khác trong chúng vẫn thay nhau đặt vấn đề, tra hỏi. Tổ đều biện bác thông suốt, khuất phục được mọi chúng.

Sau đó, Tổ báo cho cao đồ là La Hầu La Đa để trao pháp nhãn rồi nói kệ:

Phiên âm:

Bản đối truyền pháp nhân

Vị thuyết giải thoát lý

Ư pháp thực vô chứng

Vô chung diệc vô thí.

Tạm dịch:

Xưa nay người truyền pháp

Vì nói giải thoát lý

Nơi pháp thực không chứng

Không chung cũng không thi.

Nói kệ xong, ngài nhập định phần tấn, thân phóng ra tám thứ ánh sáng và tịch diệt. Các môn đồ bèn xây tháp cúng dường.

Lúc ấy nhằm thời Tiền Hán, vua Văn Đế năm thứ 19, Canh Thìn. (Năm 176 trước Tây lịch).

Tổ thứ 16: TÔN GIẢ LA HẦU LA ĐA

Tổ thứ mười sáu, Tôn giả La Hầu La Đa, người nước Ca-tì-la. Ngài du hành giáo hóa đến thành Thất-la-phiệt, ở đây có con sông tên Kim Thủy, vị thật ngon lạ, giữa dòng lại hiện hình năm vị Phật. Tổ nói với chúng đồ đệ rằng:

- Nguồn của con sông này, cách 500 dặm, có vị Thánh Tăng Già Nan Đề đang ở nơi đó. Phật từng nói sau 1.000 năm, nơi đây sẽ rạng Thánh vị.

Nói xong, bèn dẫn học trò đi ngược con sông. Đến đầu nguồn, thấy Tăng Già Nan Đề đang an tọa nhập định, Tổ cùng môn đồ phải nán đợi, chờ đến ngày thứ 37, Nan Đề mới ra khỏi định. Tổ hỏi:

- Thân ông định hay tâm định ?

Nan Đề nói:

- Thân tâm đều định.

- Thân tâm đều định, sao lại có ra vào ?

Đề đáp:

- Tuy có ra vào nhưng không mất tướng định. Như vàng trong giếng, thể vàng luôn yên lặng.

Tổ nói:

- Vàng ở trong giếng, vàng ra khỏi giếng, tướng vàng không động tịnh, vậy vật gì ra vào ?

Nan Đề đáp:

- Nói vàng động tịnh thì vật gì ra vào ? Nói vàng ra vào, vàng không động tịnh.

Tổ nói:

- Nếu vàng trong giếng thì vàng đâu ra ngoài ? Nếu vàng ngoài giếng thì còn đó là vật gì ?

- Nếu vàng ra khỏi giếng thì cái còn lại không phải vàng. Nếu vàng còn trong giếng, thì ra ngoài chẳng phải vật.

Tổ:

- Nghĩa này không đúng.

Nan Đề:

- Nghĩa kia chẳng trước.

Tổ:

- Nghĩa này sụp đổ.

- Nghĩa kia chẳng thành.

Tổ:

- Nghĩa kia chẳng thành, còn nghĩa ta thành.

- Nghĩa ta tuy thành, nhưng pháp vốn không ta.

Tổ:

- Nghĩa ta đã thành vì ta là không ta.

Nan Đề:

- Ta đã không ta thì lại thành nghĩa gì ?

- Vì ta không ta cho nên thành nghĩa của ông.

Đề hỏi:

- Ai là thầy của ngài mà được vô ngã ấy ?

- Thầy ta là Ca Na Đề Bà đã chứng được vô ngã.

Nan Đề đọc kệ xưng tán:

Phiên âm:

Khê thủ Đề Bà Sư

Nhi xuất ư nhân giả

Nhân giả vô ngã cố

Ngã dục sư nhân giả.

Tạm dịch:

Đánh lễ thầy Đè Bà

Đã tạo nên nhân giả

Vì nhân giả không ta

Con muốn học theo Ngài.

Tổ nói kệ, đáp:

Phiên âm:

Ngã dĩ vô ngã cố

Nhữ tu kiến ngã ngã

Nhữ nhược sư ngã cố

Tri ngã phi ngã ngã.

Tạm dịch:

Do ta dùng vô ngã

Ông nên thấy cái ta

Nếu người học theo ta

Ắt biết ta không ta.

Nan Đè hoát nhiên tỏ sáng, cầu xin thế độ. Tổ nói:

- Tâm ông tự tại, chẳng phải ta ràng buộc.

Nói xong, lấy tay vỗ vào bình bát vàng, đưa lên đến cung trời, đón lấy thức ăn thơm ngon ban cho mọi người, nhưng mọi người bỗng sinh tâm chán ngán. Tổ nói:

- Không phải lỗi của ta, đây là do nghiệp của các ông.

Bèn cùng Nan Đè phân nhau chỗ ngồi cùng ăn. Cả chúng lấy làm lạ. Tổ nói:

- Các ông không được ăn, đều vì chỗ này đây, phải biết là người cùng với ta phân tòa, là đức Như Lai Sa La Thọ vương trong quá khứ vì lòng từ mẫn mà giáng tích, còn các ông trong kiếp Trang Nghiêm tu đã đạt đến quả thứ ba, nhưng chưa chứng vô lậu.

Họ nói:

- Thần lực của thầy tôi mới là chỗ đáng tin, còn Phật quá khứ nói kia thật đáng ngờ.

Nan Đề biết bọn người này sanh tâm đầy kiêu mạn, bèn nói:

- Lúc Thế Tôn tại thế, thế gian bằng phẳng, chẳng có gò nổng hoang vu, sông hồ ngòi lạch nước đều vị ngon ngọt, cây cỏ tốt tươi, đất nước hưng thịnh. Chẳng có tám điều khổ, chỉ thực hành mười điều thiện. Từ khi Ngài tịch diệt dưới hai cây Sa-la đã hơn 800 năm thì đất đầy gò nổng, cây cối khô gầy, người mất lòng tin sâu, chánh niệm cạn cợt, chẳng tin chân như, chỉ ưa thích thần lực.

Nói xong, ngài lấy tay phải từ từ đâm xuống đất, đến lớp kim cương luận, lấy nước cam lộ, dùng bình lưu ly đựng đến chỗ hội. Mọi người trông thấy thì tức khắc hết lòng khâm phục, ngưỡng mộ, bèn cùng nhau sám hối, tạ lễ.

Thế là, Tổ truyền Tăng Già Nan Đề pháp nhãn, và đọc kệ:

Phiên âm:

Ư pháp thực vô chứng

Bất thủ diệc bất ly

Pháp phi hữu vô tướng

Nội ngoại vân hà khởi ?

Tạm dịch:

Nơi pháp thực không chứng

Chẳng giữ cũng chẳng rời

Pháp chẳng tướng có không

Trong ngoài chỗ nào khởi ?

Tổ truyền Pháp xong thì an tọa, thị tịch. Bốn chúng đều lập tháp. Lúc ấy nhằm thời Tiền Hán Vũ Đế, năm thứ 28, Mậu Thìn.

Tổ thứ 17: TÔN GIẢ TĂNG GIÀ NAN ĐỀ

Tổ thứ mười bảy, Tôn giả Tăng Già Nan Đề là con vua Bảo Trang Nghiêm tại thành Thất-la-phiệt. Lúc sinh ra đã nói được ngay, thường khen chuyện Phật. Bảy tuổi đã chán thú vui trần tục, dùng kệ báo với cha mẹ rằng:

Phiên âm:

Khê thủ đại từ phụ
Hòa nam cốt, huyết mẫu
Ngã kim dục xuất gia
Hạnh nguyện ai mãn cố

Tạm dịch:

*Cúi đầu đấng cha lành
Kính thưa mẹ máu xương
Con nay muốn xuất gia
Hạnh nguyện ai mãn cố.*

Cha mẹ cố ngăn cản, thế là cả ngày bỏ ăn uống. Vua cha phải cho ngài xuất gia tại hoàng cung, hiệu là Tăng Già Nan Đề. Lại sai Sa-môn Thiên-lợi-da làm thầy Ngài. Đến năm 19 tuổi, lòng vẫn tinh tấn chưa từng trở biếng. Ngài thường nghĩ: Thân ở tại hoàng cung, sao gọi là xuất gia được ?

Một buổi chiều, mặt trời vừa xuống, thấy một con đường bằng phẳng, Ngài liền ra đi. Đi độ 10 dặm, đến một ngọn núi cao lớn, trong có một hang đá, liền vào đấy tọa Thiền.

Vua cha thấy mất con nên đuổi Thiên-lợi-da ra khỏi nước, cho người đi tìm kiếm, song không thấy đâu. Trải 10 năm, sau khi được thọ ký Chánh pháp, ngài hành hóa đến nước Ma Đề. Đang đi, chợt có luồng gió mát thổi ập tới, mọi người thấy thân tâm rất khỏe khoắn, phấn chấn mà không hiểu vì sao. Tổ nói:

- Đây là luồng gió đạo đức, tất có bậc Thánh xuất thế hầu nối tiếp ngọn đèn Chánh pháp của Tổ chằng !

Nói xong, ngài dùng thần lực thu nhiếp các môn đồ xuyên qua động núi. Trong phút chốc, mọi người đã đến dưới chân ngọn núi. Ngài nói với chúng rằng:

- Đỉnh ngọn núi này có mây sắc tía như cái lọng, Thánh nhân ở nơi đây vậy.

Đang cùng mọi người bồi hồi khá lâu thì thấy một đứa bé từ căn nhà bên núi đi ra, tay cầm chiếc gương tròn tiến đến trước Tổ hỏi:

- Người bao nhiêu tuổi ?

Đáp:

- 100 tuổi.

- Người tuổi còn nhỏ sao nói 100 tuổi ?

Đứa bé đáp:

- Tôi chẳng biết, nhưng đúng là trăm tuổi.

- Người có cơ duyên lành sao ?

Phật nói nếu người sống trăm tuổi mà chẳng hiểu cơ duyên chư Phật thì không bằng sống một ngày mà hiểu thấu hết.

Tổ nói:

- Vật người cầm trong tay là có ý gì ?

- Chiếc gương lớn chư Phật, trong ngoài chẳng vết mờ, hai người cùng trông thấy, mắt tâm đều như nhau.

Cha mẹ đứa bé nghe lời nói của con thì cho phép xuất gia. Tổ đưa đứa bé trở về cho thọ giới xuất gia xong đặt tên Già Da Xá Đa.

Lần nọ, Xá Đa nghe gió thổi, cái chuông treo trước điện rung, Tổ hỏi:

- Chuông kêu hay gió kêu ?

Xá Đa đáp:

- Chuông, gió đều không kêu, mà tâm con kêu.

- Tâm là thế nào ?

Xá Đa đáp:

- Thầy đều lặng lẽ

Tổ bảo:

- Lành thay ! Lành thay ! Nói tiếp đạo của ta, chẳng phải ông thì còn ai ?

Bèn trao lại Pháp nhãn, và đọc kệ:

Phiên âm:

Tâm địa bản vô sanh

Nhân địa tình duyên khỉ

Duyên chủng bất tương phương

Hoa quả diệt phục nhĩ.

Tạm dịch:

Đất tâm vốn không sanh

Nhân địa từ duyên khỉ

Hạt duyên chẳng hại nhau

Hoa quả cũng như nhĩ.

Tổ truyền Pháp xong, tay phải vịn cây mà nhập diệt. Đại chúng bàn rằng:

- Tôn giả dưới tàng cây nhập diệt, ấy là tạo phúc ảm cho con cháu đạo đời sau.

Bèn định chuyển kim thân lên chỗ cao lập tháp, nhưng sức mọi người đều nâng không nổi, đành lập tháp ngay dưới cội cây thờ phụng. Lúc ấy nhằm thời Tiền Hán, vua Chiêu Đế năm thứ 13, Đinh Mùi.

Tổ thứ 18: TÔN GIẢ GIÀ DA XÁ ĐA

Tổ thứ mười tám, Tôn giả Già Da Xá Đa, người nước Ma-đê. họ Uất Đầu Lam, cha là Thiên Cái, mẹ Phương Thánh. Mẹ nằm mộng thấy vị thần lớn cầm chiếc gương, nhân đó thọ thai, chỉ bảy ngày sau là sinh ra ngài, thân thể sáng loáng như lưu ly, không từng tắm rửa mà vẫn tinh

khuyết thơm tho. Thuở nhỏ ưa thích nơi vắng vẻ, lời lẽ chẳng phải trẻ nít bình thường. Lần nọ cầm gương đi chơi gặp Tôn giả Nan Đề.

Sau khi chứng ngộ đạo pháp, ngài dẫn môn đồ đến nước Đại Nguyệt Thi, thấy nhà một người Bà-la-môn có khí lạ xông lên, Tổ định vào căn nhà đó. Gia chủ là Cưu Ma La Đa hỏi:

- Các ông là đệ tử của ai ?

Tổ đáp:

- Là đệ tử Phật.

Nghe đến hiệu Phật, người đó hoảng hốt liền trở vào đóng sầm cửa lại. Tổ gõ cửa một lúc. La Đa nói:

- Nhà không có người.

- Ai đáp không đấy ?

La Đa nghe nói, biết là dị nhân, nên mở cửa ra tiếp. Tổ nói:

- Xưa, Thế Tôn có huyền ký rằng: Sau khi ta diệt độ 1.000 năm, có một Đại sĩ xuất hiện tại nước Nguyệt Thi, nối tiếp rạng rỡ sự hưng hóa đạo pháp. Nay ông gặp ta, quả ứng với vận lành.

Cưu Ma La Đa liền phát trí tức mạng, thành tâm xin xuất gia. Sau khi thọ cụ túc, Tổ truyền Pháp và nói kệ rằng:

Phiên âm:

Hữu chủng hữu tâm địa
Nhân duyên năng phát mạnh
Ư duyên bất tương ngại
Đương sanh, sanh bất sanh.

Tạm dịch:

*Có giống, có đất tâm
Do duyên mà phát mạnh
Ở duyên, chẳng ngăn ngại
Đương sanh, sanh bất sanh.*

Truyền pháp xong, Tổ vụt thân lên hư không, hiện 18 loại thần biến, hóa lửa tam-muội, tự thiêu đốt thân, các môn đồ thu lấy xá-lợi xây tháp.

Lúc ấy nhằm thời Tiền Hán, vua Thành Đế năm thứ 20, Mậu Thân.

Tổ thứ 19: TÔN GIẢ CƯU MA LA ĐA

Tổ thứ mười chín, Tôn giả Cưu Ma La Đa là con một người Bà-la-môn nước Nguyệt Thị. Xưa là người trên cõi trời tự tại - Cõi trời thứ 6 thuộc dục giới - Khi nhìn thấy râu chuỗi anh lạc của Bồ-tát, nảy sinh tâm ưa thích liền đọa sinh xuống cõi Đạo-lợi, cõi trời thứ hai, dục giới.

Khi nghe Kiều-thi-ca thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nhờ pháp thâm diệu ấy mà được sinh lên cõi trời Sắc giới. Nhân căn tính thông lợi nên giảng pháp rất khéo, được chư Thiên tôn là Đạo Sư. Lúc thừa kế Tổ vị đã đến, ngài liền sinh vào nước Nguyệt Thị. Sau đó đến vùng Trung Thiên Trúc, có Đại sĩ tên Xà Dạ Đa, hỏi:

- Nhà tôi, cha mẹ đều kính tín tam Bảo, nhưng thường lại hay mắc tật bệnh, phàm làm mọi việc gì đều chẳng được như ý. Nhà hàng xóm làm hạnh xấu, ác, mà thân thường khỏe mạnh, làm việc đều nên, vậy họ có phúc gì, còn tôi có tội gì ?

Tổ nói:

- Sao phải ngờ vậy được ? và nghiệp thiện ác nối dài đến ba đời. Người thường hễ thấy người nhân từ chết sớm, kẻ tàn bạo sống lâu, làm ác gặp may, làm lành gặp dữ thì cho rằng không có nhân quả, chẳng có tội phúc, thật chẳng biết ảnh hưởng của nghiệp báo vẫn bám sát nhau, một ly cũng chẳng rời. Dù trải qua trăm ngàn vạn kiếp cũng chẳng mòn mất.

Lúc ấy, Xà Dạ Đa nghe nói bỗng hết cả nghi ngờ. Tổ nói:

- Ông tuy đã tin nghiệp nói dài ba đời, nhưng chưa rõ nghiệp từ hoặc sanh ra, hoặc do thức mà có. Thức nương nơi bất giác, bất giác dựa vào tâm. Tâm thể vốn thanh tịnh, chẳng sanh diệt, không tạo tác, không báo ứng, chẳng hơn kém, lặng lờ lờ, linh diệu diệu. Nếu ông vào pháp môn này thì có thể đồng với chư Phật. Hết thấy thiện ác, hữu vi, vô vi đều như mộng ảo.

Xà Dạ Đa nghe nói thì thấu suốt, phát sinh trí tuệ đời trước, liền khẩn cầu xin xuất gia.

Sau khi Xà Dạ Đa thọ nhập đủ giới, Tổ nói:

- Ta nay đã đến lúc tịch diệt, ông nên phát huy hóa tích.

Đoạn truyền đạt Pháp nhãn xong, ngài đọc kệ:

Phiên âm:

Tánh thượng bản vô sanh

Vị đởi cầu nhân thuyết

Ư pháp ký vô đắc

Hà hoài quyết bất quyết?

Tạm dịch:

Tại tánh vốn không sanh

Vì người cầu nên thuyết

Nơi pháp đã không được

Cần chi quyết không quyết ?

Tổ lại nói:

- Đây là câu mà Diệu Âm Như Lai kiến tánh nói ra, ông nên truyền đạt lại kẻ học đời sau.

Nói xong, Tổ ngồi trên tòa, bàn tay rạch mặt như sen hồng khai nở, ánh sáng chiếu khắp bốn chúng, đoạn an nhiên tịch diệt. Xà Dạ Đa lập tháp cúng dường. Lúc ấy nhằm thời Tân Thất, năm thứ 14, Nhâm Ngọ.

Tổ thứ 20: TÔN GIẢ XÀ DẠ ĐA

Tổ thứ hai mươi, Tôn giả Xà Dạ Đa, người nước Bắc Thiên Trúc. Trí tuệ uyên thâm, hóa đạo vô lượng. Sau, ngài đến thành La-duyệt, truyền dạy đôn pháp.

Người học ở đây chỉ sùng phụng biện luận. Đứng đầu là Bà Tu Bàn Đầu - có nghĩa: Biến Hạnh. Người này mỗi ngày chỉ ăn một bữa, không nằm, sáu thời lễ Phật, lòng thanh tịnh, chẳng ham muốn, mọi người hướng vọng.

Tổ muốn thế độ cho, trước hỏi đám ấy rằng:

- Vị Biến Hạnh Đầu Đà này khéo tu Phạm hạnh, có thể chứng Phật đạo không ?

Chúng nói:

- Thầy tôi tinh tấn, sao lại không được.

Tổ:

- Thầy các ông với đạo còn xa cách lắm. Dù có chịu khổ hạnh muôn nghìn kiếp thì cũng chỉ là gốc của hư vọng.

Chúng hỏi:

- Tôn giả có siêu thẳm đức hạnh gì mà chê thầy tôi ?

Tổ:

- Ta chẳng cầu đạo, cũng chẳng điên đảo. Ta chẳng lễ Phật cũng chẳng khinh mạn. Ta không ngồi mãi nhưng cũng chẳng biến nhạc. Ta chẳng ăn một bữa, mà cũng chẳng ăn tạp. Ta chẳng tri túc nhưng cũng chẳng tham dục. Tâm không chỗ cầu, đấy gọi là đạo.

Lúc đó, Biến Hạnh nghe nói liền phát trí vô lậu, hoan hỉ khen ngợi. Tổ lại nói cùng chúng kia rằng:

- Các ông có hiểu lời ta chẳng ? Sở dĩ ta phải nói vậy vì thấy lòng cầu đạo của các ông rất bức thiết. Dây đàn căng quá tất phải đứt, vậy nên ta chẳng khen, chỉ muốn các ông trụ trong an lạc, thâm nhập tới chư Phật.

Tổ lại nói với Biến Hạnh:

- Vừa rồi ta đã chê bai ông trước mọi người. Vậy có không phiền não trong lòng chẳng ?

Biển Hạnh bạch:

- Tôi nhớ bảy kiếp trước kia, sinh vào xứ Thường An Lạc, thầy là Nguyệt Tịnh, có thọ ký cho tôi rằng không bao lâu nữa sẽ chứng quả Tu Đà Hàm. Vào thời có Bồ-tát Đại Quang Minh xuất thế, tôi đã già lão, chống gậy đến làm lễ Bồ-tát. Thầy lại quát tôi: “Trọng con, khinh cha ! Sao thô bỉ quá thế ?”. Lúc ấy tôi cho rằng mình chẳng có lỗi gì nên nhờ Thầy chỉ bảo. Thầy nói: “Ông lễ Bồ-tát Đại Quang Minh lại để gậy dựa vào tường có vẽ hình mặt Phật, do lỗi khinh mạn này mà phải mất đi hai quả vị. Tôi tự trách mình, hồi lỗi từ ấy đến nay. Mỗi khi nghe lời trái nghịch như gió thổi bên tai, huống chi, nay nghe lời ngài như uống được nước cam lộ vô thượng, há trái lại sinh lòng phiền muộn ru ? Chỉ nguyện lòng đại từ đem diệu đạo chỉ dạy cho.

Tổ nói:

- Ông từ lâu đã gieo trồng biết bao công đức, nên phải nối tiếp đạo pháp của ta. Hãy nghe ta nói kệ:

Phiên âm:

Ngôn hạ hợp vô sanh
Đồng ư pháp giới tánh
Nhược năng như thị giả
Thông đạt sự lý cánh.

Tạm dịch:

*Vừa nghe hợp vô sanh
Cũng đồng pháp giới tánh
Nếu hiểu được như vậy
Tất sự lý thông cánh.*

Tổ phó Pháp xong, chẳng rời khỏi tòa, lặng nhiên thị tịch. Các môn đồ thiêu xác thu lấy xá-lợi lập tháp cúng dường.

Lúc ấy nhằm thời Hậu Hán, vua Minh Đế năm thứ 17, Giáp Tuất.

Tổ thứ 21: TÔN GIẢ BÀ TU BÀN ĐẦU

Tổ thứ hai mươi một, Tôn giả Bà Tu Bàn Đầu, người thành La-duyệt, họ Tỳ-xá-khư. Cha tên Quang Cái, mẹ là Nghiêm Nhất. Nhà giàu nhưng không có con trai, hai ông bà thường đi lễ tháp Phật để cầu tự.

Một đêm, mẹ mộng thấy nuốt hai hạt châu - một sáng, một tối, tỉnh giấc biết là mình có thai. Qua bảy ngày, có một La-hán tên Hiền Chúng đến nhà, ông Quang Cái đánh lễ, Hiền Chúng ngồi yên thọ nhận, đến lúc bà Nghiêm Nhất ra lễ lạy thì Hiền Chúng đứng tránh qua bên, nói:

- Hồi lễ Pháp thân Đại sĩ.

Quang Cái chẳng hiểu vì sao, lấy ra viên ngọc quý quỳ xuống cúng dường thử xem thật giả thế nào. Hiền Chúng nhận lấy chẳng khiếm nhường từ tạ. Quang Cái không nhẫn được, hỏi:

- Tôi là chồng, đánh lễ ngài chẳng kể chi, còn vợ tôi có đức gì mà Tôn giả lại né tránh ?

Hiền Chúng nói:

- Ta nhận lễ, lấy hạt châu là phúc quý cho ông, còn vợ ông đang mang thai Thánh, sau sẽ là mặt trời trí tuệ soi sáng thế gian nên ta phải tránh chớ. Không phải ta trọng người nữ đâu ?

Hiền Chúng lại nói:

- Vợ ông sẽ sinh hai đứa con, một tên là Bà Tu Bàn Đầu là người mà ta tôn trọng; người thứ hai là Sô-ni, nghĩa là Thước Tử (chim khách). Xưa, Như Lai tu hành tại Tuyết Sơn, Sô-ni làm Tổ trên đỉnh đầu Ngài, khi Thế Tôn đã thành đạo, Sô-ni thọ phúc báu nên làm vua nước Na-đề. Phật đã thọ ký: “Đến 1.000 năm sau này, ông sẽ thác sinh vào gia đình Tỳ-xá-khư, thành La-duyệt, đồng thai cùng Thánh”, nay không sai chạy vậy.

Một tháng sau, bà vợ quả sinh hai người con. Năm 15 tuổi, Tôn giả Bà Tu Bàn Đầu làm lễ xuất gia cùng La-hán Quang Độ, lại được Bồ-tát Tỳ Bà Ha truyền giới cụ túc.

Sau khi nhận được Pháp, Tôn giả du hành truyền pháp đến nước Na-đề. Nhà vua nước này tên Thường Tụ Tại, có hai người con: Ma Ha La và Ma Noa La. Vua hỏi Tổ:

- Phong thổ thành La-duyet với nơi đây khác nhau thế nào ?

Tổ nói:

- Nơi ấy từng có ba Đức Phật ra đời, nay nơi đây có hai vị Thầy hóa đạo.

- Hai thầy đó là ai ?

Tổ:

- Phật từng dự ký ngàn năm sau sẽ có hai Thần lực Đại sĩ xuất gia nói Thánh, tức là người con thứ của bệ hạ tên Ma Noa La ấy là một. Tôi dù đức mỏng nhưng cũng gánh lấy người thứ nhất đó.

Vua nói:

- Nếu đúng như lời của Tôn giả đây, tôi sẽ cho đưa con thứ làm Sa-môn.

Tổ nói:

- Hay thay ! Đại vương thật khéo tuân theo chỉ dụ của Phật.

Tổ bèn làm lễ thọ giới cho Ma Noa La, phó Pháp đoạn đọc kệ:

Phiên âm:

Bào huyễn đồng vô ngại

Như hà tất liễu ngộ

Đạt pháp tại kỳ trung

Phi kim diệc phi cổ.

Tạm dịch:

Bọt ảnh cùng không ngại

Vì sao chẳng tỏ ngộ ?

Đạt pháp ngay trong ấy

Không kim cũng chẳng cỏ.

Tổ truyền Pháp xong, tức thì phi thân cao đến nửa do tuần và đột nhiên dừng lại. Tứ chúng thành kính chiêm ngưỡng thỉnh cầu. Ngài trở lại ngồi xếp bằng thị tịch. Môn đồ làm lễ trà tỳ, thu lấy xá-lợi lập tháp cúng dường.

Lúc ấy nhằm thời Hậu Hán, vua Thương Đế năm thứ 12, Đinh Ty.

Tổ thứ 22: TÔN GIẢ MA NOA LA

Tổ thứ hai mươi hai, Tôn giả Ma Noa La, người nước Na-đề, con vua Thường Tự Tại. Năm 30 tuổi, gặp Tổ Bà Tu thọ giới xuất gia và đắc pháp.

Sau đó, ngài đến Tây Ấn Độ. Vua xứ này tên là Đắc Độ, thuộc chủng tộc Cù Đàm, quy y đạo Phật, chuyên cần tinh tấn. Ngày nọ, chỗ vua hành đạo hiện lên một tháp nhỏ. Vua muốn đem về cúng dường nhưng chẳng ai nhắc lên nổi. Nhà vua bèn họp ba giới phạm hạnh, thiên quán và chư Phật để hỏi chỗ nghi. Lúc đó, Tổ Ma Noa La cũng đến dự hội ấy, thấy ba giới đều không biện giải được, Tổ bèn đứng ra giải thích rộng rãi căn nguyên của tháp, nay lại xuất hiện, đây là do phúc lực đến mức của vua đây. Vua nghe lời giải thích đó nói:

- Chí Thánh khó gặp, thú trần không bền.

Vua liền truyền ngôi cho Thái tử, xuất gia theo Tổ. Bảy ngày sau thì chứng bốn quả.

Tổ dặn dò cận kề thêm:

- Ông ở xứ này hãy khéo tự độ người, nay nơi xứ khác đã có bậc đại pháp khí, ta phải đi đến đó để hóa độ.

Đắc Độ nói:

- Thầy ứng tích mười phương, ai động niệm là tới, há lại nhọc nhằn tới nơi sao ?

Tổ đáp:

- Đúng vậy.

Thế rồi ngài đốt hương, nói từ xa với Ti-kheo Hạc Lặc Na, nước Nguyệt Thị:

- Ông tại nơi xứ ấy, dạy đạo chúng hạc, đạo quả sắp chứng nên tự biết lấy.

Lúc ấy, Hạc Lặc Na đang thuyết kệ Tu Đa La cho vua Bảo Ân nước Nguyệt Thị bỗng thấy cây hương kỳ lạ biến hình bông lúa. Vua hỏi:

- Đó là điềm lành gì ?

- Đây là Tổ sư Ma Noa La truyền Phật tâm ấn từ phía Tây Ấn Độ, sẽ đến đây, nên gửi hương báo trước.

- Sư này thần lực thế nào ?

Đáp:

- Sư là người đã được Phật ấn ký trước kia, sẽ truyền bá giáo pháp huyền diệu trên đất này.

Bấy giờ, vua và Hạc Lặc Na cùng đánh lễ từ xa. Tổ hay biết, bèn từ biệt Ti-kheo Đắc Độ đi đến nước Nguyệt Thị thọ nhận. Nhà vua cùng Hạc Lặc Na cúng dường. Sau Hạc Lặc Na hỏi Tổ:

- Con ở trong rừng, trải qua 9 (bạch) năm (Ấn Độ gọi một năm là một bạch), có người học trò là Long tử, bé thơ mà rất thông tuệ, con đã quán sát trong ba đời trước của y mà không biết nguồn gốc.

Tổ nói:

- Đứa này trong kiếp quá khứ thứ năm, sinh vào gia đình Bà-la-môn, nước Diệu Hỉ, từng đem gỗ chiên đàn cúng dường chùa Phật làm cái dùi đánh chuông, do phúc báu đó mà được thông tuệ, mọi người đều khâm phục, ngưỡng mộ.

Lại hỏi:

- Con có duyên gì mà cảm được bọn hạc ?

- Ông trong kiếp thứ tư từng làm Tỉ-kheo, sắp dự hội tại Long cung. Các đệ tử ông đều ham muốn đi theo, ông quán thấy cả 500 người kia chẳng có ai đáng thọ sự cúng dường. Lúc ấy, các đệ tử nói: “Thầy thường thuyết pháp: Sự ăn uống bình đẳng, đối với pháp cũng vậy, nay nếu đã không phải vậy thì có Thánh gì chứ ?” Ông bèn cho họ dự hội. Từ khi ông xá sinh rồi thú sinh, chuyển hóa trải qua các nước. Năm trăm người học trò phúc kém, đức mỏng ấy lại sinh vào loài chim. Nay vì cảm ân huệ của ông nên làm thân hạc theo ông là vậy.

Hạc Lặc Na lại hỏi:

- Dùng phương tiện gì để giải thoát được chúng ?

- Ta có pháp bảo vô thượng, ông nên nghe lấy truyền bá cho đời sau.

Và Ngài đọc kệ:

Phiên âm:

Tâm tùy vạn cảnh chuyển

Chuyển xứ thực năng u

Tùy lưu nhận đắc tánh

Vô hỉ phục vô ưu.

Tạm dịch:

Tâm theo cảnh đổi thay

Chỗ chuyển thật thâm u

Theo dòng nhận được tánh

Không mừng cũng không ưu.

Lúc ấy, bầy hạc nghe kệ, chúng kêu lên và bay đi.

Tổ ngồi xếp bằng yên lặng, an nhiên thị tịch. Hạc Lặc Na cùng vua Bảo Ân xây tháp cúng dường.

Lúc ấy nhằm vào thời Hậu Hán, vua Hoàn Đế năm thứ 19, Ất Ty.

Tổ thứ 23: TÔN GIẢ HẠC LẶC NA

Tổ thứ hai mươi ba, Tôn giả Hạc Lặc Na (1), người nước Nguyệt Thị, thuộc dòng dõi Bà-la-môn. Cha tên Thiên Thắng, mẹ tên Kim Quang. Vì không con nên cả hai đến trước phước vàng (Kim tràng) của bảy Đức Phật cầu tự. Sau đó, bà nằm mộng thấy một thần đồng trên đỉnh Tu-di Sơn, tay cầm chiếc vòng vàng nói: Tôi đến đây. Tỉnh dậy thì biết mình có mang.

Năm lên bảy tuổi, ngài đi dạo trong làng xóm, nhìn thấy dân gian cúng tế thần dân, bèn đi thẳng vào miếu, quát lên:

- Người bày ra chuyện họa phúc để huyễn hoặc, lừa dối kẻ khác, hằng năm cứ giết thịt cúng tế phí phạm, làm thương tổn biết bao nhiêu.

Dứt lời, ngôi miếu bỗng đổ sụp xuống. Nhân đấy, người làng gọi ngài là Thánh tử (ông Thánh con).

Năm 22 tuổi, ngài xuất gia. Năm 30 tuổi, gặp Ma Noa La Tôn giả. Sau khi được truyền Pháp, ngài hành hóa đến Trung Ấn Độ. Nhà vua ở đây tên Vô Úy Hải rất sùng tín Phật giáo. Tổ đang thuyết pháp cho vua nghe. Vua chợt thấy có hai người mặc lụa đào sắc trắng đến vái lễ Tổ.

Vua hỏi:

- Hai người này là ai thế ?

- Đây là Thiên tử Nhật Nguyệt, xưa đã từng nghe tôi nói pháp nên nay đến lễ bái.

Giây lâu thì biến mất, chỉ còn có mùi hương lạ.

Vua nói:

- Quốc độ Nhật Nguyệt, tổng cộng nhiều ít bao nhiêu ?

Tổ đáp:

- Trong 1.000 thế giới do Phật Thích Ca hóa độ đều có trăm đức Nhật Nguyệt cao diệu, ta có muốn kể cũng không thể hết được.

Vua nghe nói vui mừng.

Lúc ấy Tổ diễn giảng đạo vô thượng, độ người có cơ duyên. Nhân vì cao đồ là Long tử mất sớm, có người anh là Sư Tử học rộng, nhớ dai,

thờ Bà-la-môn. Khi thầy mất, người em lại qua đời. Sư Tử xin quy y theo Tổ và bạch:

- Con muốn cầu đạo, nên dụng tâm thế nào ?

Tổ bảo:

- Ông muốn cầu đạo, không có chỗ dụng tâm.

- Nếu chẳng dụng tâm, thì ai làm Phật sự ?

Tổ nói:

- Nếu ông có dụng tâm là không công đức, nếu ông không làm tức là Phật sự. Kinh nói: “Ta làm nên công đức mà không có ngã sở”.

Sư tử nghe nói liền thâm trí tuệ Phật. Khi ấy, Tổ bỗng chỉ hướng Đông Bắc hỏi:

- Có khí tượng gì kia ?

Sư Tử:

- Con thấy luồng khí như cầu vòng trắng phủ khắp trời đất, lại có năm luồng khí đen xen ngang trong ấy.

- Điều ấy thế nào ?

- Con không biết được.

- Sau khi ta diệt độ 50 năm, xứ Bắc Thiên Trúc sẽ có nạn tai dấy lên liên hệ đến ông. Ta nay sắp diệt độ, nên đem Pháp nhãn truyền lại cho ông, hãy khéo hộ trì.

Và Tổ đọc kệ:

Phiên âm:

Nhận đắc tâm tánh thời

Khả thuyết bất tư nghị

Liễu liễu vô khả đắc

Đắc thời bất thuyết tri.

Tạm dịch:

Khi nhận ra tâm tánh

Mới nói điều không siết

Rõ ràng không thể được

Khi được chẳng nói biết.

Tỉ-kheo Sur Tử nghe kệ rất hoan hỷ song vẫn không hiểu mình sẽ gặp nạn chi. Tổ phải dặn kín riêng ngài, dặn xong, hiện 18 thần biến mà qui tịch. Trà tỳ xong, đồ chúng chia xá-lợi, ai cũng muốn lập tháp cúng dường. Tổ lại hiện lên không nói kệ:

Phiên âm:

Nhất pháp nhất thiết pháp
Nhất thiết, nhất pháp nhiếp
Ngô thân phi hữu vô
Hà phân nhất thiết tháp ?

Tạm dịch:

*Một pháp, tất cả pháp
Tất cả gom một pháp
Thân ta chẳng có không
Còn phân chi các tháp ?*

Mọi người nghe kệ bèn không phân chia xá-lợi nữa mà mang đến lập tháp tại Đà Đô Trường.

Lúc ấy nhằm vào thời Hậu Hán, vua Hiến Đế năm thứ 20, Kỷ Sửu.

(1) Lặc Na là tiếng Phạn, Hạc là tiếng Hoa. Vì cảm hóa bọn chim hạc mển mộ nên lấy đó làm tên.

Tổ thứ 24: TÔN GIẢ SƯ TỬ

Tổ hai mươi bốn, Tỉ-kheo Sur Tử, người Trung Ấn Độ, thuộc dòng dõi Bà-la-môn. Sau khi được pháp, ngài lên đường truyền đạo khắp nơi, đến nước Kê Tân. Ở đây có Ba-lợi-ca vốn tu tập thiền quán, nên có năm chúng là Thiên định, Tri kiến, Chấp tướng, Xả tướng và Bất ngữ.

Tổ đến cật vấn mà giải hóa bốn chúng, thấy đều đương nhiên tâm phục, duy chỉ có ông thầy phái Thiên định là Đạt Ma Đạt nghe tin bốn phái bị nhiếp phục, đâm ra tức tối tìm đến.

Tổ hỏi:

- Nhân giả tập định sao lại phải đến đây ? Nếu đã đến đây thì sao nói là tập định ?

- Ta tuy tới đây nhưng tâm cũng chẳng loạn. Định tùy người tập chứ đâu vì nơi chốn.

Tổ:

- Nhân giả đã tới đây, cái tập cũng tới đây. Đã không nơi chốn thì há tại người tập ?

Đạt Ma Đạt:

- Định tập người chứ không phải người tập định. Tôi đi đến đây nhưng cái định vẫn tập.

- Người không tập định mà định tập người, vậy khi ông đến đây thì định ấy ai tập ?

Đạt Ma Đạt:

- Như viên minh châu sáng, trong ngoài chẳng mờ. Định nếu thông đạt thì cũng như vậy.

- Định nếu thông đạt hoàn toàn như hạt minh châu. Nay thấy nhân giả, chẳng được như châu.

Ông ta nói:

- Hạt châu này sáng rõ, trong ngoài tất định. Tâm ta không loạn thì nó cũng sáng trong như vậy.

Tổ nói:

- Hạt châu kia không trong ngoài, nhân giả làm sao định được ? Vật như chẳng dao động, định này chẳng thanh tịnh.

Đạt Ma Đạt được Tổ khai ngộ, tâm bừng sáng. Tổ đã hợp lại năm phái, tiếng đồn lan khắp xa gần.

Nhân đang muốn tìm người nói Pháp, Tổ gặp một trưởng giả dẫn đứa con lại, hỏi:

- Đứa con này tên Tư Đa, lúc sinh ra đã nắm bàn tay trái chặt lại, đến nay tuy đã lớn, tay vẫn mãi chưa buông ra. Kính mong Tôn giả cho biết nhân đời trước của nó.

Tổ nhìn thấy, đưa bàn tay ra nói:

- Nên trả lại hạt châu cho ta !

Đứa bé bèn mở ngay bàn tay, đưa ra hạt châu dăng Tổ, mọi người đều kinh ngạc. Tổ nói:

- Xưa kia ta là Tỉ-kheo, có một đồng tử thị giả tên Bà Xá. Ta thường đến Tây Hải dự trai đàn, có nhận hạt châu cúng dường giao nó giữ, nay trả lại ta hạt châu là điều cố nhiên vậy.

Ông trưởng giả bèn cho đứa con xuất gia. Tổ làm lễ thọ giới cụ túc. do có nhân duyên trước như thế nên đặt tên là Bà Xá Tư Đa. Tổ nói với Bà Xá Tư Đa:

- Thầy ta có mật ký rằng nạn ta sắp tới, Chánh pháp nhãn tạng của Như Lai nay trao lại cho ông, hãy nên bảo hộ, truyền bá cho đời sau.

Và Tổ đọc kệ:

Phiên âm:

Chính thuyết tri kiến thời

Tri kiến câu thị tâm

Đương tâm tức tri kiến

Tri kiến tức vu tâm.

Tạm dịch:

Lúc nói đến tri kiến

Tri kiến đều là tâm

Tức tâm tức tri kiến

Tri kiến tức là đây.

Tổ nói kệ xong, lấy y tăng-già-lê mật trao Tư Đa, đoạn bảo ngài nên sang xứ khác, tùy cơ mà giảng pháp. Tổ cho rằng tai nạn: không tránh bừa được nên ngài ở lại Kế Tân.

Lúc ấy, trong nước có hai người ngoại đạo. Một người tên Ma-mục-đa, một người là Đô-lạc-già, học các phép huyền thuật và định cùng mưu loạn. Cả hai lén hóa ra hình dạng môn đồ đạo Phật, lén vào cung vua. Họ bàn nhau:

- Nếu chuyện không thành thì quy tội cho Phật tử.

Chuyện tai quái vỡ ra, họa tất theo chân.

Nhà vua quả tức giận, nói:

- Ta một lòng kính trọng tam Bảo, sao lại muốn hãm hại ta đến như vậy chứ ?

Vua liền ra lệnh phá hủy chùa chiền, trừ diệt Phật tử. Lại tự cầm kiếm đến chỗ Tôn giả, hỏi:

- Sư đã đạt được vô hình tướng chưa ?

- Đã đạt uẩn không rồi.

Vua nói:

- Có lìa được sống chết chưa ?

- Đã lìa sống chết rồi.

- Đã lìa được sống chết, vậy cho ta cái đầu !

Tổ bảo:

- Thân còn không phải của ta, huống chi là đầu.

Vua bèn vung gươm cắt lấy đầu Tôn giả. Tức thì một dòng sữa trắng vọt trào lên cao đến vài thước, cánh tay phải của vua cũng liền bị đứt đoạn rơi xuống đất, bảy ngày sau thì mất. Thái tử Quang Thu than thở:

- Cha ta có gì lại chuốc lấy họa ấy !

Lúc ấy có một Tiên nhân núi Tượng Bạch rõ sâu chuyện nhân quả, bèn vì Quang Thu giải thích căn duyên kiếp trước, giải trừ hết mối ngờ

của Thái tử. Mọi người xếp đặt lại di thể Tôn giả Sư Tử và lập tháp cúng dường. Lúc ấy vào thời Tề Vương đời Ngụy năm thứ 20, Kỷ Mão.

Tổ thứ 25: TÔN GIẢ BÀ XÁ TƯ ĐA

Tổ thứ hai mươi lăm, Tôn giả Bà Xá Tư Đa, người nước Kế Tân, thuộc dòng dõi Bà-la-môn. Cha tên Tịch Hạnh, mẹ là Thường An Lạc. Trước kia, bà mẹ nằm mộng thấy được thanh thần kiếm, nhân đó mà thọ thai. Đến khi sinh ra, nắm chặt bàn tay trái lại. Đến khi gặp Tôn giả Sư Tử nói rõ nguyên nhân kiếp trước, rồi được Tổ mật truyền tâm ấn. Sau đó, ngài đi về phía Nam Thiên, đến miền Trung Ấn Độ.

Nước ấy vua tên Ca Thắng, thiết lễ cúng dường Tổ. Lúc ấy có người ngoại đạo, hiệu là Vô Ngã Tôn, trước đó được vua rất trọng đãi, đâm ra đố kỵ việc Tổ đến, muốn cùng Tổ biện luận, nếu may mà thắng thì củng cố được chuyện ưu đãi. Bèn trước mặt vua nói với Tổ rằng:

- Ta rành mặc luận, không cần nói năng.

Tổ nói:

- Vậy ai biết hơn thua ?

Y nói:

- Chẳng tranh hơn kém, chỉ giữ lấy nghĩa.

Tổ hỏi:

- Ông lấy gì làm nghĩa ?

Ca Thắng:

- Lấy vô tâm làm nghĩa.

- Ông đã vô tâm thì sao được nghĩa ?

Ông ta nói:

- Vô tâm, đấy là danh không phải nghĩa.

Tổ lại nói:

- Ông nói vô tâm, đấy là danh không nghĩa. Ta nói không tâm, đấy là nghĩa chẳng phải danh.

Y nói:

- Nếu nghĩa không phải danh thì ai biện được nghĩa ?

Tổ đáp:

- Cái danh không phải nghĩa của ông nói đến đó, danh ấy là danh gì?

- Vì biện giải chớ không phải nghĩa, nên danh đó gọi là vô danh

Tổ nói:

- Danh đã không phải danh thì nghĩa cũng không phải nghĩa người biện giải đó là ai và biện vật gì ?

Cứ như vậy, cả hai đối đáp qua lại đến 59 lần, ngoại đạo mới đờ mồm, tin phục.

Lúc ấy, Tổ bỗng quay về phía Bắc, chấp tay đánh lễ, thở dài, nói:

- Thầy ta Tôn giả Sư Tử hôm nay gặp nạn, thật là đáng thương tiếc.

Nói xong, ngài từ biệt nhà vua sang Nam. Đến Nam Thiên, ngài ẩn cư trong một hang núi.

Bấy giờ, vua xứ ấy là Thiên Đức cung thỉnh ngài về hoàng cung cúng dường. Vua có hai người con: một người tên Đức Thắng, tánh hung bạo, rất khỏe mạnh hồng hào; một người là Bất Như Mật Đa, tánh hiền lành lại luôn đau ốm. Tổ bèn giải thích duyên nhân quả, vua mới hết nghi ngờ.

Lại có một chú thuật sư, ganh ghét đạo của Tổ, bèn lén bỏ dược vào thức ăn đồ uống, Tổ biết nhưng vẫn dùng, trái lại người đó bị trúng độc, y bèn cúi xin Tổ cho xuất gia. Tổ cho làm giới cụ túc. Mười sáu năm sau, Đức Thắng lên ngôi lại tin theo ngoại đạo, muốn gieo nạn hại Tổ. Bất Như Mật Đa vì can gián phải bị bắt giam vào ngục. Vua hỏi Tổ:

- Nước ta tuyệt không có yêu ngoa, điều thầy truyền dạy là tông pháp gì ?

Tổ đáp:

- Vương quốc xưa nay quả thực không có tà pháp. Sở đắc của tôi là tông phái Phật.

Vua hỏi:

- Phật diệt độ đã 1.200 năm, vậy thầy qua ai mà đắc pháp ?

Tổ nói:

- Đại sĩ Âm Quang tiếp nhận Phật ấn, truyền lần lượt đến đời thứ 24 là Tôn giả Sư Tử. Tôi qua thầy Sư Tử mà đắc Pháp.

Vua nói:

- Ta nghe Ti-kheo Sư tử không tránh được hình lục, làm sao truyền pháp cho người sau được ?

Tổ đáp:

- Thầy tôi trước khi gặp nạn đã mật truyền cho tôi y tăng-già-lê làm tin và kế pháp để làm sáng tỏ sự truyền thừa ở thầy.

Vua hỏi:

- Y ấy ở đâu ?

Tổ lấy y trong đây ra cho vua xem. Vua lệnh cho người đem ra đốt. Lửa cháy, tấm y hiện ra năm sắc. Lửa tắt, y vẫn còn nguyên.

Bấy giờ nhà vua mới sám hối tạ lễ. Người nói Pháp của Tôn giả Sư Tử đã rõ ràng, bèn thả Mật Đa.

Mật Đa cầu xin xuất gia, Tổ hỏi:

- Ông muốn xuất gia để làm việc gì ?

Mật Đa đáp:

- Con nếu xuất gia, không làm việc gì khác.

Tổ hỏi:

- Không làm việc gì ?

Mật Đa đáp:

- Không làm việc thế tục.

Tổ hỏi:

- Sẽ làm việc gì ?

Mật Đa đáp:

- Để làm việc Phật.

Tổ nói:

- Thái tử có trí tuệ rộng lớn, tất cả các Thánh sẽ giảng tích.

Liên nhận cho xuất gia. Sau sáu năm hầu cận, sau đó Tổ làm lễ thọ giới cho Mật Đa tại hoàng cung.

Khi làm lễ truyền giới, đại địa chấn động, khá nhiều điềm thật linh dị ứng hiện.

Tổ bèn bảo rằng:

- Ta đã già lão, sao có thể ở lâu được nữa. Ông nên khéo hộ trì Chánh pháp nhãn tạng, phổ độ mọi giới. Nghe ta đọc kệ:

Phiên âm:

Thánh nhân thuyết tri kiến

Đương cảnh vô thị phi

Ngã kim ngộ chân tánh

Vô đạo diệc vô lý.

Tạm dịch:

Thánh nhân nói tri kiến

Hiện cảnh chẳng thị phi

Nay ta ngộ chân tánh

Không đạo cũng không lý.

Bất Như Mật Đa nghe kệ xong, bạch với Tổ rằng:

- Còn pháp y, thầy nên giao lại cho con.

Tổ nói:

- Y này vì tai nạn, cần để làm vật chứng minh. Ông thân không có nạn thì cần y làm gì ? Cứ đi giáo hóa thập phương, mọi người tất sẽ tin.

Mật Đa nghe nói, làm lễ lui ra. Tổ bèn hiện thân biến hóa lửa tam-muội, tự thiêu đốt thân. Xá-lợi trên đất cao đến cả thước ta. Vua Đức Thắng xây tháp phụng thờ.

Lúc ấy nhằm thời Đông Tấn, Minh Đế, niên hiệu Thái Ninh năm thứ 3, Ất Dậu.

Tổ thứ 26: TÔN GIẢ BẤT NHƯ MẬT ĐA

Tổ thứ hai mươi sáu, Tôn giả Bất Như Mật Đa là con thứ của vua Thiên Đức, xứ Nam Ấn Độ. Sau khi đắc pháp, ngài đến Đông Ấn Độ, vua nước này tên là Kiên Cố, sùng phụng một ngoại đạo sư là Phạm Chí Trường Trảo.

Khi Tôn giả sắp đến, vua cùng Phạm Chí trông thấy luồng khói trắng bủa khắp trên dưới, vua hỏi:

- Đây là điềm lành gì ?

Phạm chí biết trước Tổ đã đến xứ này, lo sợ vua đổi lòng thân thiện nên nói:

- Đây là dấu hiệu ma sẽ đến đây chớ phải điềm lành gì đâu.

Đoạn họp các học trò lại, bàn luận:

- Bất Như Mật Đa sắp vào thành, ai ngăn cản được ?

Học trò nói:

- Bọn chúng con đều có chú thuật, có thể làm lay động cả trời đất, đi vào nước lửa đều được, thì còn sợ nỗi gì ?

Tổ đến, thoát tiên ngài nhìn thấy trên tường cung điện có luồng khí đen, bèn nói:

- Nạn nhỏ đây !

Và Tổ đi thẳng vào hoàng cung.

Vua hỏi:

- Sư đến đây làm gì ?

Tổ nói:

- Đến độ chúng sanh.

Vua hỏi:

- Lấy pháp gì độ ?

Tổ nói:

- Cứ theo loại mà có pháp độ.

Lúc ấy, Phạm Chí nghe nói, không dằn lòng phần nộ được bèn trở huyễn pháp, hóa ngọn núi lớn ngay phía trên đầu Tổ. Tổ đưa tay chỉ, ngọn núi bỗng bay sang phía trên đầu bọn Phạm Chí. Cả bọn hoảng sợ đầu hàng Tổ. Tôn giả thấy thương sự ngu khờ lầm lẫn của chúng lại chỉ lần nữa, ngọn núi được hóa ra theo đó biến mất. Nhân đó, ngài diễn thuyết yếu lý giáo pháp cho vua nghe khiến người quay về với chánh đạo. Ngài nói với vua:

- Nước này sẽ có Thánh nhân nối tiếp tôi truyền đạo.

Bấy giờ có con một người Bà-la-môn khoảng 20 tuổi, cha mẹ mất sớm, chẳng rõ tên họ mình, có khi tự bảo là Anh Lạc nên mọi người gọi là Anh Lạc Đồng tử. Đồng tử thường đi lang thang đó đây nơi làng xóm, xin ăn qua ngày dạng như Bồ-tát Thường Bất Khinh. Có người hỏi:

- Sao người đi mau vậy ?

Đồng tử đáp:

- Sao ông đi chậm vậy ?

Hoặc có người hỏi:

- Họ gì ?

Đáp:

- Cùng họ với ông.

Mọi người chẳng hiểu sao.

Sau đó, vua và Tổ cùng ngồi xe ra ngoài thành, thấy Anh Lạc đồng tử cúi đầu phía trước. Tổ hỏi:

- Ông nhớ chuyện cũ không ?

Đồng tử đáp:

- Tôi nhớ trong kiếp xa xưa, đồng ngu với sư. Sư giảng kinh Ma Ha Bát Nhã, tôi giảng thậm thâm Tu Đa La. Việc gặp hôm nay đây cũng là hợp duyên xưa.

Tổ nói với vua:

- Đồng tử này đây chẳng phải ai xa lạ chính là Bồ-tát Đại Thế Chí hóa thân. Tiếp sau bậc Thánh này sẽ có hai người: một người giáo hóa ở Nam Ấn Độ, một người có duyên tại Trung Quốc, trong vòng bốn, năm năm sẽ trở lại nơi này.

Do có nhân duyên từ trước nên Tổ đặt tên Đồng tử là Bát Nhã Đa La. Ngài truyền Chánh pháp và đọc kệ:

Phiên âm:

Chân tánh tâm địa tàng
Vô đầu diệc vô vĩ
Ứng duyên nhi hóa vật
Phương tiện hô vi trí.

Tạm dịch:

*Chân tánh giữ tâm địa
Không đầu cũng không vĩ
Ứng duyên mà hóa vật
Phương tiện gọi là trí.*

Tổ truyền Pháp xong, ngài từ biệt vua.

- Tôi hóa duyên đã xong, đến lúc phải tịch diệt. Mong nhà vua đối với Chánh pháp đừng quên giúp đỡ.

Liên trở về bốn tòa, ngồi xếp bằng mà tịch, hóa lửa tam-muội tự thiêu. Mọi người thu lấy xá-lợi lập tháp cúng dường.

Lúc ấy nhằm thời Đông Tấn, Hiếu Võ Đế, niên hiệu Thái Nguyên năm thứ 13, Mậu Tý.

Tổ thứ 27: TÔN GIẢ BÁT NHÃ ĐA LA

Tổ thứ hai mươi bảy, Tôn giả Bát Nhã Đa La người Đông Ấn Sau

khi nhận được Pháp, ngài di hành truyền bá giáo pháp miền Nam Ấn Độ. Nhà vua ở đây tên Hương Chí, sùng phụng đạo Phật, trọng sự cúng dường, độ người và bố thí vàng ngọc quý giá.

Lúc ấy, vua có ba người con là Nguyệt Tinh Đa La, Công Đức Đa La và Bồ Đề Đa La. Người con thứ ba thông tuệ.

Tổ muốn biết trí tuệ của mỗi người thế nào, bèn lấy ngọc châu nhà vua cúng dường hỏi ba vương tử rằng:

- Hạt minh châu tròn sáng này có gì bằng không ?

Người con thứ nhất và thứ hai đều nói:

Đây là hạt châu quý nhất trong bảy báu, không có gì sánh. Ngoài Tôn giả có đạo đức cao thâm thì không ai có thể nhận được.

Vương tử thứ ba nói:

- Đây là vật quý thế gian, chưa đã gọi là trên hết. Trong các báu vật, Pháp bảo là trên hết. Ngọc này là ánh sáng thế gian đã gọi là trên hết. Trong các ánh sáng, cái sáng của trí tuệ mới là trên hết. Đây là sáng chiếu thế gian, chưa đủ gọi là trên hết. Trong các sáng chiếu, sáng chiếu của tâm là trên hết. Hạt châu này chói sáng nhưng không thể tự chiếu, phải cần đến ánh sáng trí tuệ phân biệt, phân biệt xong mới biết đó là châu. Khi biết đó là châu mới nhận ra nó quý báu, giá trị. Nếu biết nó quý báu thì cái báu không tự biết là báu. Nếu do sự phân biệt mà xác định là châu thì châu ấy không tự biết là châu. Châu không tự biết châu mà phải cần đến châu báu trí tuệ phân biệt mới biết là châu của thế gian. Báu không tự nhận ra báu mà phải cần đến báu trí tuệ mới biết là pháp bảo. Ở đây, thầy có chính đạo, tức là vật báu hữu hiện. Chúng sanh có đạo, tâm báu cũng vậy.

Tổ khen trí tuệ biện luận của Đa La, song lại hỏi:

- Trong các vật thì vật gì vô tướng ?

Đáp:

- Trong các vật thì bất khởi là vô tướng.

Lại hỏi:

- Trong các vật, vật gì là tối cao ?
- Trong các vật, nhân ngã là tối cao.

Lại hỏi:

- Trong các vật, vật gì lớn nhất ?
- Trong các vật, pháp tánh là lớn nhất.

Tổ biết đây chính là người nối pháp của mình, nhưng vì chưa đến lúc nên im lặng không lên tiếng. Đến khi vua Hương Chí băng hà, mọi người đều than khóc, duy có vương tử thứ ba Bồ Đề Đa La ngồi trước linh cửu nhập định suốt bảy ngày, sau đó mới xuất xin phép được xuất gia theo Tôn giả.

Tổ truyền thọ đủ giới cho Đa La xong, nói:

Như Lai đem Chánh pháp nhân truyền Đại Ca Diếp, lần nữa truyền nói cho đến ta. Ta nay trao lại cho ông, hãy nghe ta nói kệ:

Phiên âm:

Tâm địa sanh chư chủng
Nhân sự phục sanh lý
Quả mãn Bồ-đề viên
Hoa khai thế giới khởi.

Tạm dịch:

*Đất tâm sanh các giống
Chuyện người lý lại sanh
Quả đầy, trọn Bồ-đề
Hoa nở, thế giới sanh.*

Tôn giả phó pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy duỗi hai tay phải trái mỗi tay phóng ra 27 luồng ánh sáng, năm màu sáng chói, đoạn vụt thân lên không, cao bằng bảy cây Đa-la, hóa lửa tự thiêu, xá-lợi từ không rơi xuống như mưa. Các chúng thu lấy lập tháp.

Lúc ấy nhằm thời Tống, vua Hiếu Võ Đế, niên hiệu Đại Minh năm thứ nhất, Đinh Dậu.

Phần phụ lục:

Nhân vua xứ Đông An Độ cung thỉnh, Tổ đang độ trai, vua hỏi:

- Các thầy đều tụng kinh, sao không thấy thầy tụng ?

Tổ nói:

- Bần đạo thờ hơi ra chẳng theo các duyên, thờ hơi vào không ở uẩn giới. Thường vẫn tụng kinh như thế đến trăm ngàn ức quyển, chứ không phải chỉ một hai quyển.

(Theo Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 1)